

Bản án số: 81/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 24/9/2021
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Gấm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Cảnh.

2. Bà Trần Ngọc Diệu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Minh Thơ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Duyên Em – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 208/2021/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2021 về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 135/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/9/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thanh T, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Anh Phan A, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Ấp 4, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Chị T và anh A có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/3/2021 nguyên đơn chị Nguyễn Thanh T trình bày:

Chị và anh Phan A tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre vào ngày 05/5/2020. Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, nhưng về sau xảy ra mâu thuẫn do thường bất đồng quan điểm trong cuộc sống, làm cho cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Việc tiếp tục chung sống với nhau chỉ làm khổ cho cả hai. Vì vậy, chị yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết cho chị được ly hôn với anh A.

Về con chung: Chị và anh A có 01 con chung là Phan H, sinh ngày 22/11/2020, hiện cháu đang do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh A cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung: Giữa chị và anh Phan A không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản khai ngày 25/6/2021, bị đơn anh Phan A trình bày:

Anh và vợ là chị Nguyễn Thanh T kết hôn vào năm 2020 và có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre. Thời gian đầu chung sống rất hạnh phúc nhưng thời gian sau xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên chị T đã dẫn con về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ tháng 01/2021 và ly thân từ đó đến nay. Hiện tại anh vẫn còn thương vợ, con nên anh không đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của chị T.

Về con chung: Giữa anh và chị T có 01 con chung là Phan H, sinh ngày 22/11/2020, hiện cháu đang sống chung với chị T. Do con còn nhỏ nên anh đồng ý để chị T nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Giữa anh và chị T không có nên anh không tranh chấp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phát biểu:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thanh T. Chị T được ly hôn với anh Phan A.

- Về con chung: Giao cháu Phan H, sinh ngày 22/11/2020 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh Phan A cấp dưỡng nuôi con chung, nếu sau này chị T có yêu cầu anh Phan A cấp dưỡng nuôi cháu Phan H sẽ khởi kiện ở vụ án dân sự khác.

Anh Phan A được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở anh Phan A thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc của cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có, không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thanh T và bị đơn anh Phan A có yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị T và anh Phan A.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị T và anh Phan A tự nguyện kết hôn và có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre vào ngày 05/5/2020. Hôn nhân của anh chị là hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Chị T cho rằng sau khi kết hôn, chung sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Qua thời gian, mâu thuẫn ngày càng tăng nên cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Đối với anh Phan A, anh cũng thống nhất với lời trình bày của chị T. Anh cũng cho rằng cuộc hôn nhân của anh chị chỉ hạnh phúc được một thời gian đầu. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra

mâu thuẫn. Anh và chị T đã ly thân từ tháng 01/2021 đến nay, chị T đã dẫn con về nhà cha mẹ ruột ở tỉnh Đồng Tháp sinh sống. Điều này hoàn toàn trái ngược với quy luật phát triển của xã hội và không phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 2 của Luật hôn nhân và gia đình: “Xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; các thành viên gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau...”. Ngoài ra, tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình quy định: “... Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc trong gia đình...”. Đối chiếu với các quy định trên thì giữa chị T và anh Phan A đã có xảy ra mâu thuẫn, gia đình không còn hạnh phúc, tình nghĩa vợ chồng không còn. Đồng thời, theo kết quả xác minh thu thập chứng cứ thể hiện: Hiện tại anh Phan A vẫn còn sinh sống tại địa phương, chị T thì đã dẫn con về nhà cha mẹ ruột ở tỉnh Đồng Tháp sinh sống. Mặc dù, anh Phan A không đồng ý ly hôn, mong muốn được đoàn tụ nhưng trong thời gian ly thân giữa anh và chị T đã không hàn gắn được tình cảm. Riêng chị T thì không đồng ý đoàn tụ, yêu cầu được ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh Phan A đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

[3] Về con chung: Giữa chị T và anh Phan A có 01 con chung Phan H, sinh ngày 22/11/2020, hiện đang do chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh Phan A cấp dưỡng cho con. Anh Phan A cũng đồng ý giao con cho chị T nuôi. Xét thấy, hiện cháu Phan H chưa được 36 tháng tuổi và đang do chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Do đó, để không làm thay đổi cuộc sống của con, cũng như để đảm bảo sự phát triển của con về mặt thể chất và tinh thần nên Hội đồng xét xử xét thấy cần để cho chị T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con cho đến khi đủ 18 tuổi. Ngoài ra, tại Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình cũng có quy định: “Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”. Tuy nhiên, do chị T không yêu cầu anh Phan A cấp dưỡng cho con. Xét thấy đây là sự tự nguyện của chị T nên ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh Phan A trình bày không có và không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6] Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thanh T. Chị T được ly hôn với anh Phan A.

Về con chung: Giao cháu Phan H, sinh ngày 22/11/2020 cho chị Nguyễn Thanh T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh Phan A cấp dưỡng cho con.

Anh Phan A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi việc cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc của cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh Phan A trình bày không có và không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T phải chịu là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0007933 ngày 14/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm. Chị T đã nộp đủ án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đương sự có quyền kháng cáo. Đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- CCTHADS huyện Giồng Trôm;
- UBND xã B,
huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Gấm